



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1049205341

Trang/ Page: 1/2



1. Phương tiện đo/ Object: **BỘ GHI NHIỆT ĐỘ 30 KÊNH/ MEMORY HILOGGER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **HIOKI**

3. Kiểu/ Model: **LR8402-20**

Số nhận dạng/ ID: **341**

4. Số hiệu/ SN: **180941004**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Loại nhiệt kế/ Type: **Nhiệt kế chỉ thị và tự ghi nhiệt độ**

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **-200 ÷ 1372°C**

+ Độ phân giải/ Resolution: **0,01; 0,05°C**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì - Maintenance method: **A-00 -**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,6 ÷ 25,9] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[61 ÷ 62] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **19/09/2022**

14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **19/09/2023**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A341**

AoV

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^0 : A1049205341



Trang/ Page: 2/2

KẾT QUẢ BẢO TRÌ/ RESULTS OF MAINTENANCE

I. KIỂM TRA TRƯỚC BẢO TRÌ/ PRE-MAINTENANCE CHECKING

- Kiểm tra độ phản hồi các phím bấm./ Check the response of the keys.
- Kiểm tra các chức năng của thiết bị./ Check the functions of the equipment .

II. TIỀN HÀNH BẢO TRÌ/ MAINTENANCE

- Dùng cồn cho lên khăn sạch lau nhẹ bề mặt trước và sau lưng của thiết bị./ Use alcohol on a clean cloth to gently wipe the front and back of the device.
- Canh chỉnh lại dây ,ổ cắm và bôi keo các đầu jack / Align the wires, sockets and glue the jacks.

III. KIỂM TRA SAU BẢO TRÌ/ POST-MAINTENANCE CHECKING

- Đặt thiết bị ghi nhiệt độ vào lò tạo nhiệt chuẩn/ Place the temperature recorder in the standard heater.
- Cài đặt nhiệt độ cần kiểm tra/ Temperature setting to be checked.
- Vận hành lò hoạt động ổn định TB-62 / Oven operation is stable TB-62
- Tiến hành ghi số liệu sau bảo trì/ Record data after maintenance.
- Kết quả/ Results:

Nhiệt độ chuẩn/ *Standard temperature, °C*

4.999

Nhiệt độ chỉ thị/ *Indication*
temperature, °C

4.76

2. Kết luận sau khi bảo trì/ Concluded after maintenance:

- Thiết bị hoạt động bình thường/ The device works normally.

--- Hết/ *End* ---

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.